

MÃ ĐỀ SD6-101

(Đề gồm có 03 trang)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1 (3,0 điểm). Trắc nghiệm lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu chỉ chọn một phương án đúng nhất.

Câu 1. Các triều đại phong kiến phương Bắc bắt người Việt phải thay đổi phong tục theo người Hán nhằm mục đích gì?

- A. Bảo tồn và phát triển tinh hoa văn hóa phương Đông.
- B. Khai hóa văn minh cho nhân dân Việt Nam.
- C. Nô dịch, đồng hóa người Việt về văn hóa.
- D. Nâng cao trình độ nhận thức cho người Việt.

Câu 2. Dưới thời kì Bắc thuộc, nhiều phong tục, tập quán cổ truyền của người Việt vẫn được duy trì, ngoại trừ tục:

- A. thờ cúng tổ tiên.
- B. nhuộm răng đen.
- C. thờ thần – vua.
- D. búi tóc, xăm mình.

Câu 3. Năm 40, Hai Bà Trưng dấy binh khởi nghĩa, chống lại ách cai trị của

- A. nhà Hán.
- B. nhà Ngô.
- C. nhà Lương
- D. nhà Đường.

Câu 4. Tác giả của câu nói dưới đây là ai?

“Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình biển khơi, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, đâu chịu khom lưng làm tì thiếp cho người”.

- A. Trưng Trắc.
- B. Trưng Nhị.
- C. Triệu Thị Trinh.
- D. Lê Chân.

Câu 5. Năm 938, quân Nam Hán tiến vào xâm lược nước ta, dưới sự chỉ huy của:

- A. Dương Húc.
- B. Lưu Hoàng Tháo.
- C. Sầm Nghi Đống.
- D. Thoát Hoan.

Câu 6. Sự kiện nào đã chấm dứt thời kì Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc?

- A. Khúc Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ sứ (năm 905).
- B. Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ (năm 931).
- C. Kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ (năm - 931).
- D. Kháng chiến chống quân Nam Hán - Chiến thắng Bạch Đằng (năm 938).

Câu 7. Thành phần nào chiếm tỉ lệ lớn nhất trong đất?

- A. Chất hữu cơ
- B. Nước
- C. Không khí
- D. Chất vô cơ

Câu 8. Đất đỏ vàng nhiệt đới đặc trưng cho môi trường nào?

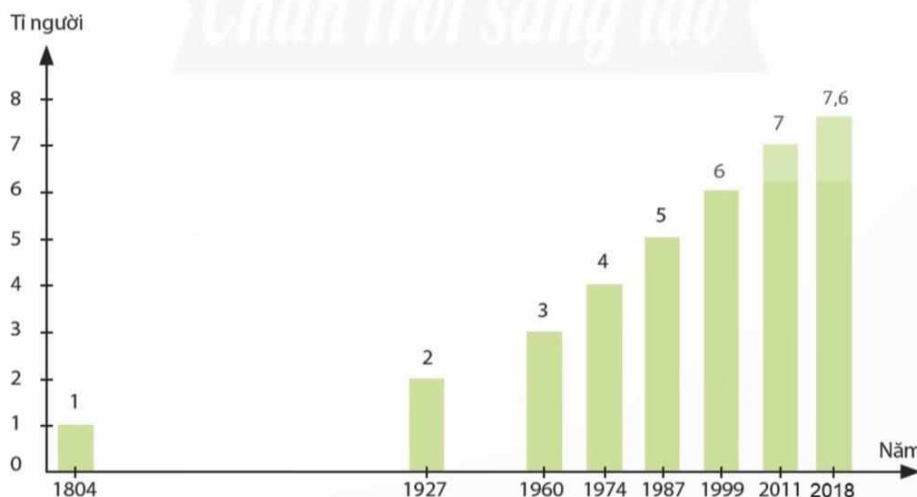
- A. Khí hậu ôn đới
- B. Khí hậu lạnh
- C. Khí hậu nhiệt đới
- D. Khí hậu hoang mạc

Câu 9. Có mấy đới thiên nhiên trên Trái Đất?

- A. 5
- B. 3
- C. 4
- D. 6

Câu 10. Đới thiên nhiên có động thực vật đa dạng, phong phú nhất là:

Câu 15. Đọc biểu đồ và cho biết các nhận định sau đây là **đúng** hay **sai**?



Hình 22.1. Quy mô dân số thế giới qua các năm

Nội dung	Đúng/Sai
a. Dân số thế giới đang giảm dần qua các năm	
b. Dân số thế giới đang tăng dần qua các năm	
c. Năm 1804, thế giới có số dân ít nhất	
d. Tốc độ gia tăng dân số qua các năm không đều nhau	

Phần III. (1,0 điểm) Câu hỏi trả lời ngắn.

Học sinh trả lời từ câu 16 – 19. Mỗi câu chỉ ghi đáp án đúng, không lặp lại câu hỏi.

Câu 16. Hiện nay trên thế giới có khoảng bao nhiêu loài động vật đã được xác định?

Câu 17. Tại sao động vật dễ thích nghi với môi trường hơn thực vật?

Câu 18. Kể tên một số loài động vật hoang dã trên thế giới.

Câu 19. Kể tên một số loài thực vật có giá trị cao.

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20. (1,5 điểm)

Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền có ý nghĩa lịch sử như thế nào? Kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền năm 938 chủ động và độc đáo ở điểm nào?

Câu 21. (1,5 điểm)

Trình bày những nhân tố quan trọng tham gia vào quá trình hình thành đất.

---Hết---

MÃ ĐỀ SD6-102

(Đề gồm có 03 trang)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1 (3,0 điểm). Trắc nghiệm lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu chỉ chọn một phương án đúng nhất.

Câu 1. Tác giả của câu nói dưới đây là ai?

“Tôi muốn cười cơn gió mạnh, đập luồng sóng dữ, chém cá kình biển khơi, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, đâu chịu khom lưng làm tì thiếp cho người”.

A. Trung Trắc. B. Trung Nhị. C. Triệu Thị Trinh. D. Lê Chân.

Câu 2. Năm 938, quân Nam Hán tiến vào xâm lược nước ta, dưới sự chỉ huy của:

A. Dương Húc. B. Lưu Hoàng Tháo.

C. Sầm Nghi Đống. D. Thoát Hoan.

Câu 3. Sự kiện nào đã chấm dứt thời kì Bắc thuộc, mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc?

A. Khúc Thừa Dụ tự xưng là Tiết độ sứ (năm 905).

B. Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ (năm 931).

C. Kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ (năm - 931).

D. Kháng chiến chống quân Nam Hán - Chiến thắng Bạch Đằng (năm 938).

Câu 4. Các triều đại phong kiến phương Bắc bắt người Việt phải thay đổi phong tục theo người Hán nhằm mục đích gì?

A. Bảo tồn và phát triển tinh hoa văn hóa phương Đông.

B. Khai hóa văn minh cho nhân dân Việt Nam.

C. Nô dịch, đồng hóa người Việt về văn hóa.

D. Nâng cao trình độ nhận thức cho người Việt.

Câu 5. Dưới thời kì Bắc thuộc, nhiều phong tục, tập quán cổ truyền của người Việt vẫn được duy trì, ngoại trừ tục:

A. thờ cúng tổ tiên.

B. nhuộm răng đen.

C. thờ thần – vua.

D. búi tóc, xăm mình.

Câu 6. Năm 40, Hai Bà Trưng dấy binh khởi nghĩa, chống lại ách cai trị của

A. nhà Hán.

B. nhà Ngô.

C. nhà Lương

D. nhà Đường.

Câu 7. Dân cư trên thế giới phân bố như thế nào?

A. Rất đồng đều

B. Không đều

C. Chỉ tập trung ở châu Á

D. Chỉ tập trung ở thành phố

Câu 8. Mật độ dân số được tính bằng công thức nào?

A. Số dân / diện tích (người/km²)

B. Số dân × diện tích

C. Diện tích / số dân

D. Số dân + diện tích

Câu 9. Thành phần nào chiếm tỉ lệ lớn nhất trong đất?

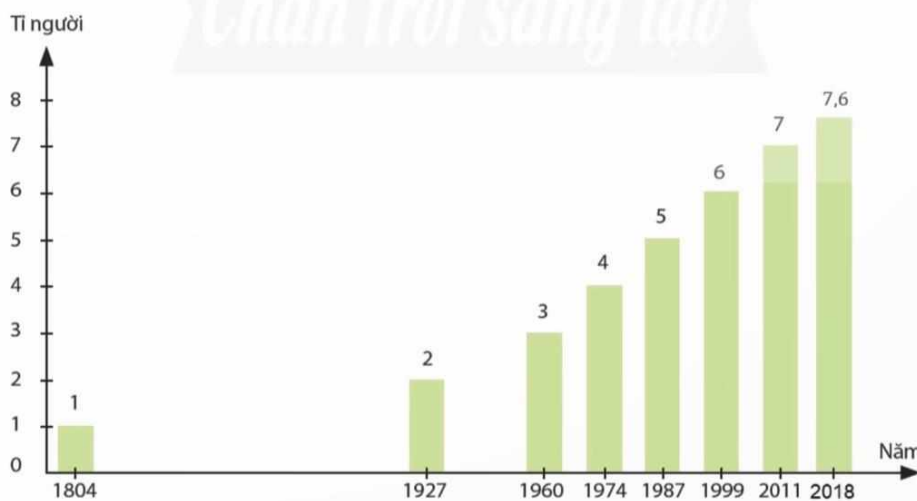
A. Chất hữu cơ

B. Nước

C. Không khí

D. Chất vô cơ

Câu 15. Đọc biểu đồ và cho biết các nhận định sau đây là **đúng** hay **sai**?



Hình 22.1. Quy mô dân số thế giới qua các năm

Nội dung	Đúng/Sai
a- Dân số thế giới đang giảm dần qua các năm	
b- Dân số thế giới đang tăng dần qua các năm	
c- Năm 1804, thế giới có số dân ít nhất	
d- Tốc độ gia tăng dân số qua các năm không đều nhau	

Phần III. (1,0 điểm) Câu hỏi trả lời ngắn.

Học sinh trả lời từ câu 16 – 19. Mỗi câu chỉ ghi đáp án đúng, không lặp lại câu hỏi.

Câu 16. Kể tên một số loài động vật hoang dã trên thế giới.

Câu 17. Kể tên một số loài thực vật có giá trị cao.

Câu 18. Hiện nay trên thế giới có khoảng bao nhiêu loài động vật đã được xác định?

Câu 19. Tại sao động vật dễ thích nghi với môi trường hơn thực vật?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20. (1,5 điểm) Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền có ý nghĩa lịch sử như thế nào? Kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền năm 938 chủ động và độc đáo ở điểm nào?

Câu 21. (1,5 điểm) Trình bày những nhân tố quan trọng tham gia vào quá trình hình thành đất.

---Hết!---

MÃ ĐỀ SĐ7-101

(Đề gồm có 03 trang)

Họ tên : Số báo danh :

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần I. (3,0 điểm). Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu chỉ chọn một phương án đúng nhất.

Câu 1: Nhà Lý xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám để làm gì?

- A. Dạy học cho con vua, quan, tổ chức các kì thi. B. Vui chơi giải trí.
C. Là nơi gặp gỡ của quan lại. D. Đón tiếp sứ thần nước ngoài.

Câu 2: Tầng lớp nào đông đảo nhất trong xã hội nhà Trần là:

- A. Quý tộc B. Nông dân C. Địa chủ D. Quan lại

Câu 3: Sau chiến tranh nhà Trần làm gì để phát triển nông nghiệp?

- A. Thu mua ruộng đất.
B. Khuyến khích khai khẩn đất hoang, mở rộng diện tích canh tác...
C. Lễ hội, vui chơi được tổ chức thường xuyên.
D. Tăng thuế

Câu 4: Nhà Lý mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn quan lại vào thời gian nào?

- A. 1073 B. 1074 C. 1075 D. 1076

Câu 5: Khi quân Nguyên tiến vào thành Thăng Long nhân dân ta đã thực hiện kế hoạch gì?

- A. Du kích B. Nghi binh
C. Đánh trực tiếp D. Vườn không nhà trống

Câu 6: Tháng 5-1285, quân Trần tổ chức phản công đánh bại giặc Nguyên ở đâu?

- A. Tây Kết B. Vân Đồn
C. Tây Kết, Chương Dương, Hàm Tử. D. Đông Bộ Đầu

Câu 7: Dân cư Trung và Nam Mĩ có nguồn gốc chủ yếu từ

- A. Người châu Á B. Người châu Âu, châu Phi và người bản địa
C. Người châu Đại Dương D. Người Bắc Mĩ

Câu 8: Mật độ dân số Trung và Nam Mĩ phân bố như thế nào?

- A. Đồng đều B. Đông ở miền núi
C. Đông ở ven biển, thưa ở nội địa D. Đông ở hoang mạc

Câu 9: Châu Đại Dương gồm những khu vực nào?

- A. Ô-xtrây-li-a và châu Nam Cực
B. Ôxtrâylia và các đảo, quần đảo
C. Chỉ có Ô-xtrây-li-a
D. Chỉ có đảo

Câu 10: Quốc gia có diện tích lớn nhất châu Đại Dương là

- A. New Zealand
B. Papua New Guinea
C. Ô-xtrây-li-a
D. Fiji

Câu 11: Đặc điểm nổi bật của xã hội Ô-xtrây-li-a là

- A. Ít nhập cư
B. Đa văn hóa
C. Đồng nhất
D. Lạc hậu

Câu 12: Nguyên nhân dân cư tập trung ven biển của Ôxtrâylia là

- A. Có nhiều núi
B. Khí hậu thuận lợi, dễ sinh sống
C. Nhiều băng tuyết
D. Ít tài nguyên

Phần II. (3,0 điểm) Câu trả lời đúng - sai.

Học sinh trả lời từ câu 13 - 15. Mỗi câu có 4 ý a,b,c,d ghi đúng hoặc sai.

Câu 13. Đọc đoạn văn sau và xác định **Đ (đúng)** hoặc **S (sai)**:

“Ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên vào các năm 1258, 1285 và 1288 đều giành thắng lợi. Sự đoàn kết của toàn dân, cùng với tài chỉ huy của các tướng lĩnh, đã giúp Đại Việt bảo vệ vững chắc độc lập và chủ quyền dân tộc.”

STT	Nhận định	Đúng	Sai
a	Ba lần kháng chiến đều kết thúc ta đều thất bại.		
b	Các cuộc kháng chiến diễn ra vào các năm 1258, 1285, 1288.		
c	Sự đoàn kết toàn dân góp phần làm nên thắng lợi.		
d	Các chiến thắng không có ý nghĩa đối với việc bảo vệ đất nước.		

Câu 14 Hãy ghi **Đ (đúng)** hoặc **S (sai)** vào mỗi câu sau:

STT	Nhận định	Đúng	Sai
a	Nhà Trần ban hành luật pháp để quản lý đất nước.		
b	Các vua Trần không quan tâm đến việc củng cố quốc phòng.		
c	Giáo dục và thi cử thời Trần vẫn được duy trì và phát triển.		
d	Thời Trần không có hoạt động thủ công nghiệp.		

Câu 15. Hãy ghi **Đ (đúng)** hoặc **S (sai)** vào mỗi câu sau:

STT	Nhận định	Đúng	Sai
a	Văn hóa Mỹ La-tinh rất đa dạng.		
b	Dân cư Ôxtrâylia phân bố đồng đều.		
c	Nội địa Ôxtrâylia rất đông dân cư.		
d	Ôxtrâylia có tỉ lệ dân thành thị cao.		

PHẦN III. (1,0 điểm). Câu trả lời ngắn.

Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19. Mỗi câu học sinh ghi câu trả lời ngắn.

Câu 16: Nêu đặc điểm phân bố dân cư Trung và Nam Mỹ.

Câu 17: Tốc độ đô thị hóa ở khu vực Trung và Nam Mỹ diễn ra như thế nào?

Câu 18: Địa hình lục địa Ô-xtrây-li-a có đặc điểm.

Câu 19: Vì sao sinh vật ở Ô-xtrây-li-a mang tính độc đáo?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20: Trình bày nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

Câu 21: Từ thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên đã để lại cho nhân dân ta những bài học gì?

Câu 22: So sánh sự khác nhau giữa khí hậu lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo ở châu Đại Dương.

Câu 23: Giải thích vì sao nội địa Ô-xtrây-li-a dân cư thưa thớt?

---Hết---

MÃ ĐỀ SD7-102

(Đề gồm có 03 trang)

Họ tên : Số báo danh :

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần I. (3,0 điểm). Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu chỉ chọn một phương án đúng nhất.

Câu 1: Tầng lớp nào đông đảo nhất trong xã hội nhà Trần là:

- A. Quý tộc B. Nông dân C. Địa chủ D. Quan lại

Câu 2: Nhà Lý xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám để làm gì?

- A. Dạy học cho con vua, quan, tổ chức các kì thi. B. Vui chơi giải trí.
C. Là nơi gặp gỡ của quan lại. D. Đón tiếp sứ thần nước ngoài.

Câu 3: Sau chiến tranh nhà Trần làm gì để phát triển nông nghiệp?

- A. Thu mua ruộng đất.
B. Khuyến khích khai khẩn đất hoang, mở rộng diện tích canh tác...
C. Lễ hội, vui chơi được tổ chức thường xuyên.
D. Tăng thuế

Câu 4: Khi quân Nguyên tiến vào thành Thăng Long nhân dân ta đã thực hiện kế hoạch gì?

- A. Du kích B. Nghi binh
C. Đánh trực tiếp D. Vườn không nhà trống

Câu 5: Nhà Lý mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn quan lại vào thời gian nào?

- A. 1073 B. 1074 C. 1075 D. 1076

Câu 6: Tháng 5-1285, quân Trần tổ chức phản công đánh bại giặc Nguyên ở đâu?

- A. Tây Kết B. Vân Đồn
C. Tây Kết, Chương Dương, Hàm Tử. D. Đông Bộ Đầu

Câu 7: Nguyên nhân dân cư tập trung ven biển của Ôxtrâylia là

- A. Có nhiều núi B. Khí hậu thuận lợi, dễ sinh sống
C. Nhiều băng tuyết D. Ít tài nguyên

Câu 8: Dân cư Trung và Nam Mỹ có nguồn gốc chủ yếu từ

- A. Người châu Á B. Người châu Âu, châu Phi và người bản địa
C. Người châu Đại Dương D. Người Bắc Mỹ

Câu 9: Quốc gia có diện tích lớn nhất châu Đại Dương là

- A. New Zealand B. Papua New Guinea C. Ô-xtrây-li-a D. Fiji

Câu 10: Châu Đại Dương gồm những khu vực nào?

- A. Ô-xtrây-li-a và châu Nam Cực B. Ôxtrâyli-a và các đảo, quần đảo
C. Chỉ có Ô-xtrây-li-a D. Chỉ có đảo

Câu 11: Mật độ dân số Trung và Nam Mỹ phân bố như thế nào?

- A. Đồng đều B. Đông ở miền núi
C. Đông ở ven biển, thưa ở nội địa D. Đông ở hoang mạc

Câu 12: Đặc điểm nổi bật của xã hội Ô-xtrây-li-a là

- A. Ít nhập cư B. Đa văn hóa C. Đồng nhất D. Lạc hậu

Phần II. (3,0 điểm) Câu trả lời đúng - sai.

Học sinh trả lời từ câu 13 - 15. Mỗi câu có 4 ý a,b,c,d ghi đúng hoặc sai.

Câu 13 Hãy ghi Đ (đúng) hoặc S (sai) vào mỗi câu sau:

STT	Nhận định	Đúng	Sai
a	Nhà Trần ban hành luật pháp để quản lý đất nước.		
b	Các vua Trần không quan tâm đến việc củng cố quốc phòng.		
c	Giáo dục và thi cử thời Trần vẫn được duy trì và phát triển.		
d	Thời Trần không có hoạt động thủ công nghiệp.		

Câu 14. Đọc đoạn văn sau và xác định Đ (đúng) hoặc S (sai):

“Ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên vào các năm 1258, 1285 và 1288 đều giành thắng lợi. Sự đoàn kết của toàn dân, cùng với tài chỉ huy của các tướng lĩnh, đã giúp Đại Việt bảo vệ vững chắc độc lập và chủ quyền dân tộc.”

STT	Nhận định	Đúng	Sai
a	Ba lần kháng chiến đều kết thúc ta đều thất bại.		
b	Các cuộc kháng chiến diễn ra vào các năm 1258, 1285, 1288.		
c	Sự đoàn kết toàn dân góp phần làm nên thắng lợi.		
d	Các chiến thắng không có ý nghĩa đối với việc bảo vệ đất nước.		

Câu 15. Hãy ghi Đ (đúng) hoặc S (sai) vào mỗi câu sau:

STT	Nhận định	Đúng	Sai
a	Văn hóa Mỹ La-tinh rất đa dạng.		
b	Dân cư Ôxtrâyli-a phân bố đồng đều.		
c	Nội địa Ôxtrâyli-a rất đông dân cư.		
d	Ôxtrâyli-a có tỉ lệ dân thành thị cao.		

PHẦN III. (1,0 điểm). Câu trả lời ngắn.

Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19. Mỗi câu học sinh ghi câu trả lời ngắn.

Câu 16: Địa hình lục địa Ô-xtrây-li-a có đặc điểm.

Câu 17: Vì sao sinh vật ở Ô-xtrây-li-a mang tính độc đáo?

Câu 18: Nêu đặc điểm phân bố dân cư Trung và Nam Mỹ.

Câu 19: Tốc độ đô thị hóa ở khu vực Trung và Nam Mỹ diễn ra như thế nào?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20: Từ thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên đã để lại cho nhân dân ta những bài học gì?

Câu 21: Trình bày nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.

Câu 22: Giải thích vì sao nội địa Ô-xtrây-li-a dân cư thưa thớt?

Câu 23: So sánh sự khác nhau giữa khí hậu lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo ở châu Đại Dương.

---Hết!---

MÃ ĐỀ SD8-101

(Đề gồm có 03 trang)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần I. (3,0 điểm). Trắc nghiệm một lựa chọn

Từ câu 1 đến câu 12, mỗi câu học sinh chỉ chọn một phương án đúng nhất.

Câu 1. Khi xâm lược Việt Nam, Pháp chọn Đà Nẵng làm điểm tấn công đầu tiên với mục đích

- A. chiếm nhanh Đà Nẵng và đánh kinh thành Huế, buộc nhà Nguyễn đầu hàng.
- B. chiếm Đà Nẵng, nơi có cảng sâu, thuận tiện cho tàu thuyền neo đậu buôn bán.
- C. chiếm Đà Nẵng để khai thác nguồn tài nguyên lớn ở nước ta.
- D. lấy Đà Nẵng làm chỗ dựa để đàn áp phong trào khởi nghĩa của nhân dân.

Câu 2. Năm 1859, sau khi thất bại ở Đà Nẵng, thực dân Pháp đã chuyển hướng tấn công vào

- A. Huế
- B. Hải Phòng
- C. Gia Định
- D. Nam Định

Câu 3. Hiệp ước cuối cùng đánh dấu Pháp hoàn thành quá trình xâm lược và chính thức đặt ách thống trị ở Việt Nam là

- A. Hiệp ước Nhâm Tuất
- B. Hiệp ước Giáp Tuất
- C. Hiệp ước Hác-măng
- D. Hiệp ước Pa-tơ-nôt

Câu 4. Một trong những nguyên cơ thực dân Pháp sử dụng để xâm lược Việt Nam là

- A. Việt Nam không giao thương với phương Tây
- B. Triều đình Huế cấm đạo và đàn áp giáo sĩ
- C. Việt Nam giàu tài nguyên khoáng sản
- D. Việt Nam có vị trí địa lí quan trọng

Câu 5. Cuộc khởi nghĩa nào dưới đây thuộc phong trào Cần vương?

- A. Hương Khê.
- B. Yên Thế.
- C. Yên Bái.
- D. Thái Nguyên.

Câu 6. Nguyên nhân quan trọng khiến cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta giai đoạn 1858–1884 chưa giành được thắng lợi là gì?

- A. Nhân dân không có tinh thần chiến đấu, không kết hợp với quân triều đình.
- B. Thiếu sự lãnh đạo thống nhất, triều đình bạc nhược, đầu hàng từng bước
- C. Pháp quá mạnh về quân sự, có nhiều vũ khí hiện đại khi xâm lược Việt Nam
- D. Việt Nam có địa hình thuận lợi, dễ bị Pháp chiếm lần lượt các vùng trong nước

Câu 7. Năm 2021, diện tích rừng của nước ta là bao nhiêu?

- A. 7,2 triệu ha
- B. 14,8 triệu ha
- C. 21,1 triệu ha
- D. 42,7 triệu ha

Câu 8. Rừng thưa rụng lá phát triển ở vùng nào sau đây của nước ta?

- A. Tây Nguyên.
- B. Hoàng Liên Sơn.
- C. Việt Bắc.
- D. Đông Bắc.

Câu 9. Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây ở nước ta?

- A. Khánh Hòa.
- B. Đà Nẵng.
- C. Ninh Thuận.
- D. Phú Yên.

Câu 10. Địa hình thềm lục địa ở miền Trung nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hẹp và sâu. B. Bằng phẳng.
C. Rộng, nông. D. Nông và hẹp.

Câu 11. Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta ở phía trong đường cơ sở?

- A. Lãnh hải. B. Nội thủy.
C. Vùng đặc quyền về kinh tế. D. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 12. Gió thổi trên Biển Đông theo 2 hướng chính nào dưới đây?

- A. Tây Nam và Đông Bắc. B. Hướng Nam và Tây Nam.
C. Tây Bắc và Đông Nam D. Hướng Bắc và Đông Bắc.

Phần II. (3,0 điểm) Trắc nghiệm đúng - sai.

Từ câu 13 đến câu 15, mỗi câu có 4 ý a,b,c,d. Học sinh trả lời “đúng” hoặc “sai” cho mỗi ý.

Câu 13. Về “Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX”, Giáo sư Trần Văn Giàu nhận định: “*Những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ và một số sĩ phu đương thời là những tư tưởng tiến bộ, thể hiện lòng yêu nước và ý thức canh tân đất nước, nhưng chưa đủ điều kiện lịch sử để thực hiện.*”

Từ nhận định trên và nội dung đã học về Trào lưu cải cách nửa cuối thế kỉ XIX, em hãy cho biết mỗi ý sau đây là “**đúng**” hay “**sai**” ?

- a. Các đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ chỉ tập trung vào lĩnh vực quân sự để chống Pháp.
b. Điểm chung của các nhà cải cách là muốn thay đổi chế độ phong kiến bằng chế độ tư bản chủ nghĩa.
c. Trào lưu cải cách nửa cuối thế kỉ XIX có sự tham gia rộng rãi của nông dân và các tầng lớp nhân dân.
d. Trào lưu cải cách nửa cuối thế kỉ XIX thể hiện sự chuyển biến trong tư duy của một bộ phận sĩ phu, từ bảo thủ sang canh tân đất nước.

Câu 14. Về “Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX”, Giáo sư Phan Huy Lê nhận định: “*Trào lưu cải cách cuối thế kỉ XIX là một xu hướng đổi mới quan trọng, phản ánh yêu cầu cấp bách của lịch sử, nhưng đã không thành công do sự bảo thủ của triều đình và những hạn chế nội tại của bản thân nó.*”

Từ nhận định trên và nội dung đã học về Trào lưu cải cách nửa cuối thế kỉ XIX, em hãy cho biết mỗi ý sau đây là “**đúng**” hay “**sai**” ?

- a. Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX xuất hiện chủ yếu do tác động của cuộc xâm lược của thực dân phương Tây và sự khủng hoảng của chế độ phong kiến.
b. Nguyên nhân quan trọng khiến các đề nghị cải cách không được thực hiện là do triều đình nhà Nguyễn bảo thủ, không chấp nhận đổi mới.
c. Các đề nghị cải cách nửa cuối thế kỉ XIX đã được thực hiện triệt để và giúp Việt Nam tránh được nguy cơ bị thực dân Pháp xâm lược.
d. Trào lưu cải cách nửa cuối thế kỉ XIX có ảnh hưởng lớn đối với lịch sử, góp phần hình thành các xu hướng mới phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.

Câu 15. Các nhận định sau đây về bảo tồn đa dạng sinh học nước ta, hãy cho biết mỗi nhận định là “**đúng**” hay “**sai**”?

Nhận định	Đúng/Sai
a. Đa dạng sinh học ở nước ta đang có xu hướng tăng lên.	
b. Bão, lũ lụt, hạn hán là những nguyên nhân tự nhiên làm suy giảm	

đa dạng sinh học.	
c. Cháy rừng không ảnh hưởng đến đa dạng sinh học.	
d. Phá rừng để lấy đất sản xuất là một nguyên nhân làm suy giảm đa dạng sinh học.	

Phần III (1,0 điểm). Trắc nghiệm trả lời ngắn.

Từ câu 16 đến câu 19. Học sinh ghi câu trả lời ngắn cho mỗi câu.

Câu 16. Diện tích của phần biển Việt Nam trong biển Đông là bao nhiêu?

Câu 17. Dầu mỏ và khí tự nhiên ở nước ta tập trung chủ yếu ở khu vực nào?

Câu 18. Lượng mưa trung bình của vùng biển Việt Nam là bao nhiêu?

Câu 19. Tài nguyên du lịch biển nào của nước ta được Unesco công nhận là di sản thiên nhiên thế giới?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20 (1.5 điểm).

Trình bày quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn. Quá trình thực thi chủ quyền vùng biển đảo thời nhà Nguyễn có ý nghĩa như thế nào?

Câu 21. (1.5 điểm).

Trình bày khái niệm lãnh hải.

Hãy nêu một số hành động góp phần bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.

---Hết---

MÃ ĐỀ SD8-102

(Đề gồm có 03 trang)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần I. (3,0 điểm). Trắc nghiệm một lựa chọn

Từ câu 1 đến câu 12, mỗi câu học sinh chỉ chọn một phương án đúng nhất.

Câu 1. Cuộc khởi nghĩa nào dưới đây thuộc phong trào Cần vương?

- A. Hương Khê. B. Yên Thế. C. Yên Bái. D. Thái Nguyên.

Câu 2. Khi xâm lược Việt Nam, Pháp chọn Đà Nẵng làm điểm tấn công đầu tiên với mục đích

- A. chiếm nhanh Đà Nẵng và đánh kinh thành Huế, buộc nhà Nguyễn đầu hàng.
B. chiếm Đà Nẵng, nơi có cảng sâu, thuận tiện cho tàu thuyền neo đậu buôn bán.
C. chiếm Đà Nẵng để khai thác nguồn tài nguyên lớn ở nước ta.
D. lấy Đà Nẵng làm chỗ dựa để đàn áp phong trào khởi nghĩa của nhân dân.

Câu 3. Một trong những nguyên cơ thực dân Pháp sử dụng để xâm lược Việt Nam là

- A. Việt Nam không giao thương với phương Tây
B. Triều đình Huế cầm đạo và đàn áp giáo sĩ
C. Việt Nam giàu tài nguyên khoáng sản
D. Việt Nam có vị trí địa lí quan trọng

Câu 4. Nguyên nhân quan trọng khiến cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta giai đoạn 1858–1884 chưa giành được thắng lợi là gì?

- A. Nhân dân không có tinh thần chiến đấu, không kết hợp với quân triều đình.
B. Thiếu sự lãnh đạo thống nhất, triều đình bạc nhược, đầu hàng từng bước
C. Pháp quá mạnh về quân sự, có nhiều vũ khí hiện đại khi xâm lược Việt Nam
D. Việt Nam có địa hình thuận lợi, dễ bị Pháp chiếm lần lượt các vùng trong nước

Câu 5. Năm 1859, sau khi thất bại ở Đà Nẵng, thực dân Pháp đã chuyển hướng tấn công vào

- A. Huế B. Hải Phòng C. Gia Định D. Nam Định

Câu 6. Hiệp ước cuối cùng đánh dấu Pháp hoàn thành quá trình xâm lược và chính thức đặt ách thống trị ở Việt Nam là

- A. Hiệp ước Nhâm Tuất B. Hiệp ước Giáp Tuất
C. Hiệp ước Hác-măng D. Hiệp ước Pa-tơ-nốt

Câu 7. Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta ở phía trong đường cơ sở?

- A. Lãnh hải. B. Nội thủy.
C. Vùng đặc quyền về kinh tế. D. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 8. Năm 2021, diện tích rừng của nước ta là bao nhiêu?

- A. 7,2 triệu ha B. 14,8 triệu ha
C. 21,1 triệu ha D. 42,7 triệu ha

Câu 9. Địa hình thêm lục địa ở miền Trung nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hẹp và sâu. B. Bằng phẳng.
C. Rộng, nông. D. Nông và hẹp.

Câu 10. Rừng thưa rụng lá phát triển ở vùng nào sau đây của nước ta?

- A. Tây Nguyên. B. Hoàng Liên Sơn.
C. Việt Bắc. D. Đông Bắc.

Câu 11. Gió thổi trên Biển Đông theo 2 hướng chính nào dưới đây?

- A. Tây Nam và Đông Bắc. B. Hướng Nam và Tây Nam.
C. Tây Bắc và Đông Nam D. Hướng Bắc và Đông Bắc.

Câu 12. Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh/thành phố nào sau đây ở nước ta?

- A. Khánh Hòa. B. Đà Nẵng.
C. Ninh Thuận. D. Phú Yên.

Phần II. (3,0 điểm) Trắc nghiệm đúng - sai.

Từ câu 13 đến câu 15, mỗi câu có 4 ý a,b,c,d. Học sinh trả lời “đúng” hoặc “sai” cho mỗi ý.

Câu 13. Về “Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX”, Giáo sư Phan Huy Lê nhận định: *“Trào lưu cải cách cuối thế kỉ XIX là một xu hướng đổi mới quan trọng, phản ánh yêu cầu cấp bách của lịch sử, nhưng đã không thành công do sự bảo thủ của triều đình và những hạn chế nội tại của bản thân nó.”*

Từ nhận định trên và nội dung đã học về Trào lưu cải cách nửa cuối thế kỉ XIX, em hãy cho biết mỗi ý sau đây là **“đúng”** hay **“sai”** ?

- a. Các đề nghị cải cách nửa cuối thế kỉ XIX đã được thực hiện triệt để và giúp Việt Nam tránh được nguy cơ bị thực dân Pháp xâm lược.
b. Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX xuất hiện chủ yếu do tác động của cuộc xâm lược của thực dân phương Tây và sự khủng hoảng của chế độ phong kiến.
c. Trào lưu cải cách nửa cuối thế kỉ XIX có ảnh hưởng lớn đối với lịch sử, góp phần hình thành các xu hướng mới phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.
d. Nguyên nhân quan trọng khiến các đề nghị cải cách không được thực hiện là do triều đình nhà Nguyễn bảo thủ, không chấp nhận đổi mới.

Câu 14. Về “Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX”, Giáo sư Trần Văn Giàu nhận định: *“Những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ và một số sĩ phu đương thời là những tư tưởng tiến bộ, thể hiện lòng yêu nước và ý thức canh tân đất nước, nhưng chưa đủ điều kiện lịch sử để thực hiện.”*

Từ nhận định trên và nội dung đã học về Trào lưu cải cách nửa cuối thế kỉ XIX, em hãy cho biết mỗi ý sau đây là **“đúng”** hay **“sai”** ?

- a. Các đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ chỉ tập trung vào lĩnh vực quân sự để chống Pháp.
b. Trào lưu cải cách nửa cuối thế kỉ XIX thể hiện sự chuyển biến trong tư duy của một bộ phận sĩ phu, từ bảo thủ sang canh tân đất nước.
c. Điểm chung của các nhà cải cách là muốn thay đổi chế độ phong kiến bằng chế độ tư bản chủ nghĩa.
d. Trào lưu cải cách nửa cuối thế kỉ XIX có sự tham gia rộng rãi của nông dân và các tầng lớp nhân dân.

Câu 15. Các nhận định sau đây về bảo tồn đa dạng sinh học nước ta, hãy cho biết mỗi nhận định là **“đúng”** hay **“sai”**?

Nhận định	Đúng/Sai
a. Bão, lũ lụt, hạn hán là những nguyên nhân tự nhiên làm suy giảm đa dạng sinh học.	
b. Đa dạng sinh học ở nước ta đang có xu hướng tăng lên.	

c. Phá rừng để lấy đất sản xuất là một nguyên nhân làm suy giảm đa dạng sinh học.	
d. Cháy rừng không ảnh hưởng đến đa dạng sinh học.	

Phần III (1,0 điểm). Trắc nghiệm trả lời ngắn.

Từ câu 16 đến câu 19. Học sinh ghi câu trả lời ngắn cho mỗi câu.

Câu 16. Lượng mưa trung bình của vùng biển Việt Nam là bao nhiêu?

Câu 17. Diện tích của phần biển Việt Nam trong biển Đông là bao nhiêu?

Câu 18. Tài nguyên du lịch biển nào của nước ta được Unesco công nhận là di sản thiên nhiên thế giới?

Câu 19. Dầu mỏ và khí tự nhiên ở nước ta tập trung chủ yếu ở khu vực nào?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20 (1.5 điểm).

Trình bày quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn. Quá trình thực thi chủ quyền vùng biển đảo thời nhà Nguyễn có ý nghĩa như thế nào?

Câu 21. (1.5 điểm).

Trình bày khái niệm lãnh hải.

Hãy nêu một số hành động góp phần bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.

---Hết---

Môn: Lịch sử và Địa lí 9

Thời gian: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

Ngày kiểm tra: 20/4/2026

Mã đề: SD9-101

Họ tên : Số báo danh :

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án đúng nhất

Câu 1. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959) đã xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam Việt Nam là

- A. đấu tranh chính trị đòi Mỹ rút quân về nước.
- B. khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.
- C. đấu tranh hòa bình, chính trị chống Mỹ - Diệm.
- D. đấu tranh đòi Mỹ phải thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Câu 2. Chiến thắng nào dưới đây khẳng định quân dân miền Nam Việt Nam có khả năng đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965) của Mỹ?

- A. Bình Giã (Bà Rịa).
- B. Ba Gia (Quảng Ngãi).
- C. An Lão (Bình Định).
- D. Ấp Bắc (Mỹ Tho).

Câu 3. Điểm giống nhau cơ bản của ba chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh” là gì?

- A. Tiến hành bằng quân đội Mỹ
- B. Tiến hành bằng quân đội đồng minh của Mỹ.
- C. Loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ.
- D. Mỹ đưa quân đội đến tham chiến trực tiếp.

Câu 4. Ai là Tổng thống cuối cùng của Chính quyền Sài Gòn?

- A. Nguyễn Văn Thiệu.
- B. Nguyễn Cao Kỳ.
- C. Trần Văn Hương.
- D. Dương Văn Minh.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng đường lối đổi mới về chính trị của Đảng năm 1986?

- A. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập tích cực.
- B. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- C. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- D. Thực hiện chính sách đại đoàn kết giữa các dân tộc.

Câu 6. Kì họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất năm 1976 đã quyết định tên nước là:

- A. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.
- B. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- C. Việt Nam chủ nghĩa Cộng hòa.
- D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Việt Nam.

Câu 7. Đông Nam Bộ tiếp giáp với vùng nào sau đây?

- A. Nam Trung Bộ.
- B. Trung du miền núi phía Bắc
- C. Đồng bằng sông Hồng
- D. Bắc Trung Bộ

Câu 8. Ngành kinh tế nào giữ vai trò động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Nông nghiệp B. Công nghiệp C. Lâm nghiệp D. Thủy sản

Câu 9. Dân số vùng Đông Nam Bộ tăng nhanh chủ yếu do

- A. sinh nhiều B. sinh ít C. nhập cư D. xuất cư

Câu 10. Đồng bằng sông Cửu Long được bồi đắp bởi phù sa của con sông nào?

- A. Sông Mê Công B. Sông Mã C. Sông Hồng D. Sông Cả

Câu 11. Rừng ở Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu là

- A. rừng lá kim B. rừng ngập mặn C. rừng hỗn giao D. rừng núi cao

Câu 12. Đặc điểm dân cư vùng Đồng bằng sông Cửu Long nào sau đây **không đúng**?

- A. Cơ cấu dân số trẻ. B. Tỷ lệ dân thành thị thấp.
C. Dân số có xu hướng già hoá D. Là vùng ít dân.

PHẦN II (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng – sai

Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây, chọn Đúng hoặc Sai trong mỗi ý a, b, c, d

Tư liệu: “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là một hình thái kinh tế thị trường vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.204 – 205)

Nhận định	Đúng	Sai
a) Nền kinh tế Việt Nam hiện nay được gọi là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa		
b) Giai đoạn đầu công cuộc Đổi mới, Việt Nam phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.		
c) Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thành phần kinh tế tư nhân đóng vai trò chủ chốt.		
d) Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không có thành phần kinh tế tư nhân.		

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây, chọn Đúng hoặc Sai trong mỗi ý a, b, c, d

Tư liệu: “5 đời tổng thống Mỹ đã dính líu đến cuộc chiến tranh kéo dài hơn 20 năm ở Việt Nam, trong đó có 3 đời tổng thống Mỹ đã hoạch định các chiến lược trong chiến tranh xâm lược Việt Nam. Các chiến lược này được cụ thể hóa từ chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ nhằm giữ vững vị trí số 1, kiên quyết chống phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa và giải phóng dân tộc trên thế giới. Các chiến lược Hoa Kỳ áp dụng ở Việt Nam đều dựa trên sức mạnh quân sự và kinh tế khổng lồ của Hoa Kỳ. Các chiến lược đó được hoạch định chu đáo, có cơ sở khoa học và thực sự gây tổn thất lớn cho công cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam”

(Trần Đức Cường, Chiến tranh nhân dân 1954 - 1975, Nxb Khoa học Xã hội, tr.85)

Nhận định	Đúng	Sai
a) Các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam đều góp phần vào thành công của chiến lược toàn cầu		
b) Các đời tổng thống Mỹ đều đưa ra các chiến lược chiến tranh xâm lược Việt Nam.		
c) Sức mạnh quân sự và kinh tế của Mỹ là cơ sở quan trọng để đưa ra chiến lược chiến tranh mới ở Việt Nam.		
d) Chiến lược chiến tranh của Mỹ đề ra trên cơ sở phát huy những thành quả của chiến lược chiến tranh trước đó.		

Câu 15. Dựa vào kiến thức đã học, chọn Đúng hoặc Sai trong mỗi ý sau.

Nhận định	Đúng	Sai
a) Thành phố Hồ Chí Minh được xem là đầu tàu kinh tế của cả nước.		
b) Nhờ có vùng biển rộng, nhiều cảng nước sâu và tài nguyên dầu khí, Đông Nam Bộ có điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh ngành trồng lúa.		
c) Đông Nam Bộ không còn gặp khó khăn về lao động cho phát triển công nghiệp và dịch vụ.		
d) Thiếu nước vào mùa khô là hạn chế về mặt tự nhiên ở Đông Nam Bộ.		

PHẦN III (1,0 điểm). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16. Nguồn khoáng sản quan trọng nhất của vùng Đông Nam Bộ là gì?

Câu 17. Vùng Đồng Bằng sông Cửu Long giáp nước nào?

Câu 18. Một doanh nghiệp muốn xây dựng nhà máy sản xuất linh kiện điện tử và cần nơi có giao thông thuận lợi, lao động nhiều, cơ sở hạ tầng tốt, vùng nào là lựa chọn phù hợp nhất?

Câu 19. Nhờ có vùng biển rộng, nhiều bãi biển đẹp và tài nguyên dầu khí, Đông Nam Bộ có điều kiện thuận lợi để phát triển ngành nào?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20. (1,5 điểm)

Em hãy nêu nội dung đổi mới kinh tế trong công cuộc đổi mới đất nước của Đảng năm 1986 và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới từ 1986 đến 1991.

Câu 21. (1,5 điểm)

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có những hạn chế gì về mặt tự nhiên?

--Hết--

Mã đề: SD9-201

Môn: Lịch sử và Địa lí 9

Thời gian: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

Ngày kiểm tra: 20/4/2026

Họ tên : Số báo danh :

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi chỉ chọn một phương án đúng nhất

Câu 1. Phong trào “Đồng khởi” (1959- 1960) có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

- A. Đánh dấu sự thất bại của của Mĩ ở miền Nam Việt Nam.
- B. Mở đường cho sự phát triển liên tục của cách mạng miền Nam.
- C. Là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược đánh đổ ách thống trị của Mỹ- Diệm
- D. Đánh dấu bước phát triển của cách mạng Miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang tiến công cách mạng.

Câu 2. Công trình nào được khởi công và hoàn thành năm 1959 chấm dứt tình trạng “mười năm chín hạn” ở miền Bắc đảm bảo nước cho sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân 3 tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên và Hải Dương

- A. Thủy lợi Bắc – Hưng – Hải.
- B. Khu gang thép Thái Nguyên.
- C. Nhà máy điện Việt trì.
- D. Nhà máy dệt 8 – 3 (1960)

Câu 3. Điểm giống nhau cơ bản của ba chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh” là gì?

- A. Tiến hành bằng quân đội Mỹ
- B. Tiến hành bằng quân đội đồng minh của Mĩ.
- C. Loại hình chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ.
- D. Mĩ đưa quân đội đến tham chiến trực tiếp.

Câu 4. Ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn- Gia Định mang tên

- A. Chiến dịch Tây Nguyên
- B. Chiến dịch Huế
- C. Chiến dịch Đà Nẵng.
- D. Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Câu 5. Đại hội toàn quốc lần VI (12/1986) đề ra đường lối đổi mới đất nước. Đổi mới phải toàn diện và đồng bộ nhưng trọng tâm là

- A. Đổi mới tư tưởng
- B. Đổi mới về kinh tế.
- C. Đổi mới về văn hóa.
- D. Đổi mới về chính trị.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng đường lối đổi mới về chính trị của Đảng năm 1986?

- A. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, trung lập tích cực.
- B. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
- C. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.
- D. Thực hiện chính sách đại đoàn kết giữa các dân tộc.

Câu 7. Đồng bằng sông Cửu Long có địa hình thấp và bằng phẳng, đất đai màu mỡ, rất thuận lợi cho phát triển ngành nào sau đây?

- A. Nông nghiệp
- B. Công nghiệp
- C. Luyện kim
- D. Khai thác than

Câu 8. Đất badan và đất xám trên phù sa cổ chiếm diện tích lớn ở Đông Nam Bộ thuận lợi cho việc phát triển loại cây trồng nào sau đây?

- A. Cây lúa nước
B. Cây công nghiệp lâu năm
C. Cây lương thực ngắn ngày
D. Cây ôn đới

Câu 9. Hiện nay, vùng Đông Nam Bộ gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

- A. 1
B. 2
C. 3
D. 6

Câu 10. Loại đất thuận lợi cho phát triển nông nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là gì?

- A. Đất phù sa
B. Đất đỏ badan
C. Đất mặn
D. Đất phèn

Câu 11. Đô thị hóa ở Đông Nam Bộ diễn ra nhanh là do

- A. nông nghiệp phát triển
B. công nghiệp phát triển
C. rừng nhiều
D. ít dân

Câu 12. Đảo nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Lý Sơn
B. Phú Quý
C. Cát Bà
D. Phú Quốc

PHẦN II (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng – sai

Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15

Câu 13. Đọc đoạn tư liệu sau đây, chọn Đúng hoặc Sai trong mỗi ý a, b, c, d

Tư liệu: Chỉ một ngày sau khi Sài Gòn được giải phóng, ngày 1/5/1975, chính quyền Pôn Pốt (Campuchia Dân chủ) đã cho quân tiến đánh nhiều nơi thuộc lãnh thổ Việt Nam, từ Hà Tiên đến Tây Ninh. Ngày 4/5/1975, quân đội Pôn Pốt đổ bộ lên đảo Phú Quốc mưu đồ chiếm đảo này và ngày 10/5/1975, đổ bộ lên quần đảo Thổ Chu của Việt Nam cách xa lãnh thổ Campuchia. Quân đội Pôn Pốt đã bắn giết nhiều người dân và bắt đi 515 người khác. Mặc dù phía Việt Nam đã phản đối nhưng quân Campuchia Dân chủ vẫn không chịu rút khỏi Thổ Chu.

(Trần Đức Cường, *Lịch sử Việt Nam, Tập 14, Từ năm 1975 đến năm 1986*, Nxb Khoa học Xã hội, 2017, tr.31)

Nhận định	Đúng	Sai
a) Từ năm 1975 đến năm 1978, nhân dân miền Nam chuyển từ đấu tranh chống Mỹ sang đấu tranh chống các thế lực phản động ở Campuchia.		
b) Đoạn tư liệu trên phản ánh đầy đủ những biện pháp cứng rắn của Việt Nam trước hành động xâm phạm của chính quyền Pôn Pốt.		
c) Từ năm 1975 đến năm 1978, chính quyền Pôn Pốt thường xuyên tiến hành các hoạt động quấy rối biên giới của Việt Nam.		
d) Hoạt động chống phá Việt Nam của chính quyền Pôn Pốt đã vi phạm nghiêm trọng độc lập, chủ quyền của Việt Nam.		

Câu 14. Đọc đoạn tư liệu sau đây, chọn Đúng hoặc Sai trong mỗi ý a, b, c, d

Tư liệu: “5 đời tổng thống Mỹ đã dính líu đến cuộc chiến tranh kéo dài hơn 20 năm ở Việt Nam, trong đó có 3 đời tổng thống Mỹ đã hoạch định các chiến lược trong chiến tranh xâm lược Việt Nam. Các chiến lược này được cụ thể hóa từ chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ nhằm giữ vững vị trí số 1, kiên quyết chống phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa và giải phóng dân tộc trên thế giới. Các chiến lược Hoa Kỳ áp dụng ở Việt Nam đều dựa trên sức mạnh quân sự và kinh tế khổng lồ của Hoa Kỳ. Các chiến lược đó được hoạch định chu đáo, có cơ sở khoa học và thực sự gây tổn thất lớn cho công cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam”

(Trần Đức Cường, *Chiến tranh nhân dân 1954 - 1975*, Nxb Khoa học Xã hội, tr.85)

Nhận định	Đúng	Sai
a) Các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam đều góp phần vào thành công của chiến lược toàn cầu		
b) Các đời tổng thống Mỹ đều đưa ra các chiến lược chiến tranh xâm lược Việt Nam.		
c) Chiến lược chiến tranh của Mỹ đề ra sau trên cơ sở phát huy những thành quả của chiến lược chiến tranh trước đó.		
d) Sức mạnh quân sự và kinh tế của Mỹ là cơ sở quan trọng để đưa ra chiến lược chiến tranh mới ở Việt Nam.		

Câu 15. Dựa vào kiến thức đã học, chọn Đúng hoặc Sai trong mỗi ý sau.

Nhận định	Đúng	Sai
a. Phát triển các ngành công nghệ cao là xu hướng hiện nay của Đông Nam Bộ		
b. Liên kết vùng là không cần thiết vì chỉ giúp mở rộng thị trường		
c. Đông Nam Bộ có ít khoáng sản nên không thể phát triển công nghiệp nặng.		
d. Cây trồng thế mạnh của Đông Nam Bộ là cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả nhiệt đới.		

PHẦN III (1,0 điểm). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19

Câu 16. Quần đảo nào có diện tích lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ?

Câu 17. Loại đất nào có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long?

Câu 18. Việc xây dựng các tuyến cao tốc và các cây cầu lớn nối Đồng bằng sông Cửu Long với Đông Nam Bộ có ý nghĩa quan trọng nhất là

Câu 19. Dân cư của vùng Đông Nam Bộ tăng nhanh chủ yếu do nguyên nhân gì?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20. (1,5 điểm)

Em hãy nêu nội dung đổi mới kinh tế trong công cuộc đổi mới đất nước của Đảng năm 1986 và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới từ 1986 đến 1991.

Câu 21. (1,5 điểm)

Vì sao vùng đồng bằng sông Cửu Long có ngành thủy sản phát triển nhất nước ta?

---Hết---

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC: 2025 – 2026
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9

Mã đề: SD9-101

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

- Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	C	D	A	B	A	B	C	A	B	D

PHẦN II. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng – sai.

- Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	a	b	c	d
13	Đ	Đ	S	S
14	S	S	Đ	S
15	Đ	S	S	Đ

PHẦN III. (1,0 điểm). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

- Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	16	17	18	19
Đáp án	Dầu, khí	Cam-pu-chia	Đông Nam Bộ	Kinh tế biển

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
20 (1,5 điểm)	- Nội dung đổi mới về kinh tế trong công cuộc đổi mới đất nước của Đảng năm 1986:	
	+ Xóa bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường.	0,5
	+ Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa	0,25
	+ Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại,...	0,25
	- Hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới từ 1986 đến 1991:	
	+ Nền kinh tế Việt Nam còn mất cân đối, lạm phát vẫn ở	0,25

	mức cao, + Lao động còn thiếu việc làm, chế độ tiền lương chưa hợp lí, đời sống nhân dân ở một số vùng vẫn còn khó khăn,...	0,25
21 (1,5 điểm).	Hạn chế: - Diện tích đất mặn, đất phèn lớn → cần nhiều thời gian và vốn để cải tạo. - Mùa khô kéo dài → thiếu nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt, xâm nhập mặn. - Mùa mưa có lũ. - Ít khoáng sản, môi trường bị suy thoái.	0,5 0,5 0,25 0,25

---Hết---

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC: 2025 – 2026
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 9

Mã đề: SD9-201

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

- Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	A	C	D	B	A	A	B	C	A	B	D

PHẦN II. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng – sai.

- Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	a	b	c	d
13	Đ	S	Đ	Đ
14	S	S	S	Đ
15	Đ	S	S	Đ

PHẦN III. (1,0 điểm). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

- Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	16	17	18	19
Đáp án	Côn Sơn	Đất phèn	Tăng liên kết vùng	Nhập cư

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
20 (1,5 điểm)	- Nội dung đổi mới về kinh tế trong công cuộc đổi mới đất nước của Đảng năm 1986: + Xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường. + Phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa + Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại,... - Hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới từ 1986 đến 1991:	0,5 0,25 0,25

	+ Nền kinh tế Việt Nam còn mất cân đối, lạm phát vẫn ở mức cao, + Lao động còn thiếu việc làm, chế độ tiền lương chưa hợp lí, đời sống nhân dân ở một số vùng vẫn còn khó khăn,...	0,25 0,25
21 (1,5 điểm)	Vì vùng Đồng bằng sông Cửu Long: - Có vùng biển rộng, nhiều hải sản, thuận lợi cho đánh bắt và nuôi trồng hải sản - Trên đất liền có nhiều hệ thống sông ngòi, kênh rạch, các cánh rừng ngập mặn rộng lớn, thuận lợi cho đánh bắt và nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ - Vùng ít chịu ảnh hưởng của thiên tai: mưa bão, gió mùa Đông Bắc...	0,5 0,5 0,5

--Hết--

MÃ ĐỀ SĐ7-101

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm)

- Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12
- Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	B	C	D	C
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	B	C	B	B

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng – sai (3,0 điểm)

- Học sinh trả lời câu 13 đến câu 15 mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	13	14	15
Đáp án	a: S b,c: Đ d: S	a: Đ b: S c: Đ d: S	a: Đ b,c: S d: Đ

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. (1,0 điểm)

- Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	16	17	18	19
Đáp án	Không đều	cao	Tương đối bằng phẳng	Bị cô lập lâu dài

B. TƯ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
20	Nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống xâm lược Mông – Nguyên.	

	- Lòng yêu nước, sự đoàn kết, quyết tâm đánh giặc của quân dân Đại Việt.	0,5
	- Kế hoạch đánh giặc đúng đắn, sáng tạo, tài năng thao lược của các vua cùng các danh tướng nhà Trần.	0,5
21	Từ thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên đã để lại cho nhân dân ta những bài học: - Để lại nhiều bài học quý báu cho nhân dân ta: tinh thần yêu nước, kiên trì, sáng tạo và trách nhiệm với đất nước.	0,5
22	So sánh sự khác nhau giữa khí hậu lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo ở châu Đại Dương. - Ô-xtrây-li-a: khí hậu khô hạn, ít mưa - Các đảo: khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều	0,5 0,5
23	Giải thích nội địa Ô-xtrây-li-a dân cư thưa thớt - Do khí hậu khô hạn, nhiều hoang mạc, thiếu nước	0,5

---Hết!---

MÃ ĐỀ SĐ7-102

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3,0 điểm)

- Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	B	D	C	C
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	C	B	C	B

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng – sai (3,0 điểm)

- Học sinh trả lời câu 13 đến câu 15 mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	13	14	15
Đáp án	a: Đ b: S c: Đ d: S	a: S b: Đ c: Đ d: S	a: Đ b: S c: S d: Đ

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. (1,0 điểm)

- Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	16	17	18	19
Đáp án	Tương đối bằng phẳng	Bị cô lập lâu dài	Không đều	cao

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
20	Từ thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên đã để lại cho nhân dân ta những bài học: - Để lại nhiều bài học quý báu cho nhân dân ta: tinh thần yêu	0,5

	nước, kiên trì, sáng tạo và trách nhiệm với đất nước.	
21	Nguyên nhân thắng lợi của ba lần kháng chiến chống xâm lược Mông – Nguyên. - Lòng yêu nước, sự đoàn kết, quyết tâm đánh giặc của quân dân Đại Việt. - Kế hoạch đánh giặc đúng đắn, sáng tạo, tài năng thao lược của các vua cùng các danh tướng nhà Trần.	0,5 0,5
22	Giải thích nội địa Ô-xtrây-li-a dân cư thưa thớt Do khí hậu khô hạn, nhiều hoang mạc, thiếu nước	0,5
23	So sánh sự khác nhau giữa khí hậu lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo ở châu Đại Dương. - Ô-xtrây-li-a: khí hậu khô hạn, ít mưa - Các đảo: khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều	0,5 0,5

---Hết!---

I. MA TRẬN

PHÂN MÔN LỊCH SỬ																		
TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu		Vận dụng
1	Việt Nam từ năm 1954 đến năm nay	Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975	2 câu	2 câu		1/2 câu (2 ý a,b)		1/2 câu (2 ý c,d)							2 câu + 1/2 câu (2 ý a,b)	2 câu	1/2 câu (2 ý c,d)	20%
		Việt Nam trong những năm 1976 đến nay	2 câu			1/2 câu (2 ý a,b)		1/2 câu (2 ý c,d)					1/2 câu	1/2 câu	2 câu + 1/2 câu (2 ý a,b)	1/2 câu	1/2 câu + 1/2 câu (2 ý c,d)	30%
Tổng số câu PM Lịch sử			4 câu	2 câu		1 câu		1 câu					1/2 câu	1/2 câu	5 câu	2+1/2 câu	1+1/2 câu	9
Tổng số điểm PM Lịch sử			1,5			2,0						1,5			2,0	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ % PM Lịch sử			15%			20%						15%			20%	15%	15%	50%

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu		Vận dụng
1	Chương 3. Địa lí các vùng kinh tế xã hội	Vùng Đông Nam Bộ	3 câu					1 câu (4 ý)	1 câu		2 câu				4 câu		3 câu	25,0%
		Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	3 câu						1 câu				1 câu		4 câu	1 câu		25,0%
Tổng số câu PM Địa lí			6 câu					1 câu	2 câu		2 câu		1 câu	8 câu	1 câu	3 câu	12	
Tổng số điểm PM Địa lí			1,5			1,0			1,0			1,5			2,0	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ % PM Địa lí			15%			10%			10%			15%			20%	15%	15%	50%
Tổng số câu			10 câu	2 câu			1 câu	2 câu	2 câu		2 câu	1/2 câu	1 câu	1/2 câu	12+1/2 câu	4 câu	4+1/2 câu	21
Tổng số điểm			3,0			3,0			1,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			30%			30%			10%			30%			40%	30%	30%	100%

II. ĐẶC TẢ

PHÂN MÔN LỊCH SỬ															
TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá											
				Trắc nghiệm khách quan									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Việt Nam từ năm 1954 đến nay	Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975	<p>Nhận biết Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954</p> <p>Thông hiểu – Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện cho cách mạng miền Nam, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ,...).</p> <p>– Trình bày được các thắng lợi tiêu biểu về quân sự của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1975 (phong trào Đồng khởi; đánh bại các chiến</p>	2 câu (NL 1)	2 câu (NL 2)		1/2 câu 2 ý a,b (NL 1)		1/2 câu 2 ý c,d (NL 3)						

		<p>lược “Chiến tranh đặc biệt”, “Chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ; Tổng tiến công nổi dậy năm 1968, 1972; Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975,...).</p> <p>– Nêu được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.</p> <p>Vận dụng</p> <p>– Đánh giá những âm mưu của Mĩ trong việc thực hiện các chiến lược ở Việt Nam trong những năm 1954- 1975</p>											
	Việt Nam từ năm 1976 đến năm nay	<p>Nhận biết</p> <p>– Trình bày được sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và vùng biên giới phía Bắc trong những năm 1975 – 1979, đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo sau năm 1975.</p> <p>– Nêu được tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Nêu được nguyên nhân, nội</p>	2 câu (NL 1)			1/2 câu 2 ý a,b (NL 1)		1/2 câu 2 ý c,d (NL 3)				1/2 câu (NL 2)	1/2 câu (NL 3)

			<p>đường lối Đổi mới của Đảng và những thành tựu tiêu biểu của công cuộc Đổi mới đất nước từ 1986 đến nay (trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,...)</p> <p>Vận dụng – Đánh giá được thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối Đổi mới.</p> <p>Vận dụng cao – Rút ra được bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện đường lối Đổi mới.</p>												
Tổng số câu PM Lịch sử			4 câu	2 câu		1 câu		1 câu					1/2 câu	1/2 câu	
Tổng số điểm PM Lịch sử			1,5			2,0			1,5						
Tỉ lệ % PM Lịch sử			15%			20%			15%						
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ															
TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá											
				Trắc nghiệm khách quan									Tự luận		
				<i>Nhiều lựa chọn</i>			<i>Đúng – Sai</i>			<i>Trả lời ngắn</i>					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng

1	Chương 3. Địa lí các vùng kinh tế xã hội	Vùng Đông Nam Bộ	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng. – Trình bày được đặc điểm về dân cư, đô thị hoá ở vùng. – Trình bày được sự phát triển và phân bố một trong các ngành kinh tế thế mạnh của vùng: công nghiệp, phát triển cây công nghiệp; du lịch và thương mại (sử dụng bản đồ, bảng số liệu). <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh. <p>Vận dụng cao</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ý nghĩa của việc tăng cường kết nối liên vùng đối với sự phát triển của vùng. 	3 câu (NL 1)					1 câu (4 ý) (NL 3)	1 câu (NL 1)	2 câu (NL 3)			
		Vùng Đông bằng	<p>Nhận biết</p>	3 câu					1 câu				1 câu	

	sông Cửu Long	<p>– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng.</p> <p>– Trình bày được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế thế mạnh của vùng: sản xuất lương thực, trồng cây ăn quả, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch (sử dụng bản đồ và bảng số liệu).</p> <p>Thông hiểu</p> <p>– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.</p> <p>– Phân tích được đặc điểm dân cư; một số vấn đề xã hội của vùng.</p> <p>Vận dụng cao</p> <p>– Tìm hiểu thông tin và phân tích được tác động của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long; đề xuất giải pháp ứng phó.</p>	(NL 1)					(NL 1)				(NL 2)	
	Tổng số câu PM Địa lí		6 câu				1 câu	2 câu		2 câu		1 câu	
	Tổng số điểm PM Địa lí		1,5			1,0		1,0		1,5			
	Tỉ lệ % PM Địa lí		15%			10%		10%		15%			

Tổng số câu		10 câu	2 câu		1 câu		2 câu	2 câu		2 câu		1+¹/₂ câu	¹/₂ câu
Tổng số điểm		3,0			3,0		1,0			3,0			
Tỉ lệ %		30%			30%		10%			30%			

I. MA TRẬN

PHÂN MÔN LỊCH SỬ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận							
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn										
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng		
1		Bài 19. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX												1/2 TL (a)	1/2 TL (b)		1/2 TL (a)	1/2 TL (b)	15%
2	CHƯƠNG VI. VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX	Bài 20. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884)	2 TN													2 TN			5%

		Bài 21. Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX															4T N			10%
		Bài 22. Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX				1/2 TN (a,b)	1/2 TN (c,d)	1TN									1/2 TN (a,b)	1/2TN (c,d)	1TN	20%
Tổng số câu			6			1/2	1/2	1					1/2	1/2	6+ 1/2	1/2+ 1/2	1/2 + 1		9	
Tổng số điểm			1,5			0,5	0,5	1,0					1,0	0,5	2,0	1,5	1,5		5,0	
Tỉ lệ			15%			5%	5%	10%					10%	5%	20%	15%	15%		50%	

PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu		Vận dụng
1	CHƯƠNG 3. ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM	Bài 13. Đặc điểm của sinh vật và vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học.	2 TN						1 TN						2 TN		1 TN	15%
2	CHƯƠNG 4. BIỂN ĐẢO VIỆT NAM	Bài 14. Vị trí địa lí Biển Đông, các vùng biển của Việt Nam	2 TN						2 TN					½ TL	4 TN		½ TL	15%
		Bài 15. Đặc điểm tự nhiên, môi trường và tài nguyên vùng biển đảo Việt Nam	2 TN							2 TN				½ TL	2 TN	2 TN+ ½ TL		20%
Tổng số câu			6					1	2	2			1		8	2+ 1/2	1+ 1/2	12

	thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884)	Nhận biết – Nêu được quá trình thực dân Pháp xâm lược Việt Nam và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884). – Nêu được nguyên nhân, một số nội dung chính trong các đề nghị cải cách của các quan lại, sĩ phu yêu nước. – Trình bày được một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Yên Thế. Thông hiểu: Hiểu sự phát triển của thế giới tác động đến tình hình đất nước Vận dụng: Đánh giá được tác động của việc đổi mới đến sự phát triển của đất nước.											
2	Bài 21. Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX		4TN										
	Bài 22. Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX				$\frac{1}{2}$ TN (a,b)	$\frac{1}{2}$ TN (c,d)	1 TN						
Tổng số câu PM Lịch sử			6		1/2	1/2	1					1/2	1/2
Tổng số điểm Lịch sử			1,5		2,0					1,5			
Tỉ lệ %			15%		20%					15%			

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá												
				Trắc nghiệm khách quan									Tự luận			
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn						
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	CHƯƠNG 3. ĐẶC ĐIỂM THỔ NHƯỠNG VÀ SINH VẬT VIỆT NAM	Bài 13. Đặc điểm của sinh vật và vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học.	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Chứng minh được sự đa dạng của sinh vật ở Việt Nam. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam. 	2TN						1TN						
2	CHƯƠNG 4. BIỂN ĐẢO VIỆT NAM	Bài 14. Vị trí địa lí Biển Đông, các vùng biển của Việt Nam	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được trên bản đồ phạm vi Biển Đông, các nước và vùng lãnh thổ có chung Biển Đông với Việt Nam. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được các khái niệm vùng nội thủy, lãnh hải của Việt Nam (theo Luật Biển 	2TN						2TN						½ TL

		Việt Nam).												
		Bài 15. Đặc điểm tự nhiên, môi trường và tài nguyên vùng biển đảo Việt Nam	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm tự nhiên vùng biển đảo Việt Nam. – Trình bày được các tài nguyên biển và thêm lục địa Việt Nam. Thông hiểu – Nêu được đặc điểm môi trường biển đảo và vấn đề bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam.	2TN						2TN			1/2 TL	
Tổng số câu PM Địa lí			6					1	2	2			1/2	1/2
Tổng số điểm PM Địa lí			1,5			1,0			1,0			1,5		
Tỉ lệ % PM Địa lí			15%			10%			10%			15%		

I. MA TRẬN

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			Trắc nghiệm khách quan									Tự luận							
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn			Tự luận							
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				Biết	Hiểu	Vận dụng		
Phân môn Lịch sử																			
1	Chương 5: Việt Nam từ khoảng thế kỉ VII trước công nguyên đến đầu thế kỉ X	Bài 16: Chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Việt Nam thời Bắc thuộc	2 TN						1 TN							2 TN		1 TN	15%
		Bài 18: Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập dân tộc trước thế kỉ X	2 TN				1/2 TN	1/2 TN								2TN +1/2 TN		1/2 TN	15%
		Bài 19: Bước ngoặt	2 TN										1/2 TL	1/2 TL	2TN	1/2 TL	1/2 TL	20%	

		lịch sử ở đầu thế kỉ X																
Tổng số câu PM Lịch sử			6			1/2	1/2	1					1/2	1/2	6 + 1/2	1	1 + 1/2	9
Tổng số điểm PM Lịch sử			1,5			2,0						1,5		2,0	1,5	1,5	5,0	
Tỉ lệ % PM Lịch sử			15%			20%						15%		20%	15%	15%	50%	
Phân môn Địa lí																		
1	Chương 6. Đất và sinh vật trên Trái Đất	Bài 19. Lớp đất. Các nhân tố hình thành đất. Một số nhóm đất điển hình	2 TN										1 TL		2 TN	1 TL		20%
		Bài 20. Sinh vật. Sự phân bố các đới thiên nhiên, Rừng nhiệt đới	2 TN								4 TN					2 TN		4 TN
	Chương 7. Con người và thiên nhiên	Bài 22. Dân số và phân bố dân cư	2 TN			1/2 TN		1/2 TN								2 TN + 1/2 TN		1/2 TN
Tổng số câu PM Địa lí			6				1						1		6 + 1/2	1	4 + 1/2	12

<i>Tổng số điểm PM Địa lí</i>	<i>1,5</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>1,5</i>	<i>2,0</i>	<i>1,5</i>	<i>1,5</i>	<i>5,0</i>
<i>Tỉ lệ % PM Địa lí</i>	<i>15%</i>	<i>10%</i>	<i>10%</i>	<i>15%</i>	<i>20%</i>	<i>15%</i>	<i>15%</i>	<i>50%</i>
Tổng số câu	12	2	4	2	13	2	6	21
Tổng số điểm	3,0	3,0	1,0	3,0	4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ	30%	30%	10%	30%	40%	30%	30%	100%

		<p>– Nêu được kết quả và ý nghĩa các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân ta trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...).</p> <p>– Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng,...)</p>												
	<p>Bài 19: Bước ngoặt lịch sử ở đầu thế kỉ X</p>	<p>Nhận biết – Trình bày được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938</p> <p>Thông hiểu – Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 – Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng (938)</p> <p>Vận dụng - Nhận xét được những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.</p>	2 TN										1/2 TL	1/2 TL
Tổng số câu PM Lịch sử			6			1/2	1/2	1					1/2	1/2
Tổng số điểm			1,5		2,0								1,5	
Tỉ lệ %			15%		20%								15%	

Phân môn Địa lí

1	Chương 6. Đất và sinh vật trên Trái Đất	<p>Bài 19. Lớp đất. Các nhân tố hình thành đất. Một số nhóm đất điển hình</p>	<p>Nhận biết – Nêu được các tầng đất và các thành phần chính của đất. – Kể được tên và xác định được trên bản đồ một số nhóm đất điển hình ở vùng nhiệt đới hoặc ở vùng ôn đới.</p> <p>Thông hiểu – Trình bày được một số nhân tố hình thành đất.</p>	2 TN												1 TL
		<p>Bài 20. Sinh vật. Sự phân bố các đới thiên nhiên, Rừng nhiệt đới</p>	<p>Nhận biết – Xác định được trên bản đồ sự phân bố các đới thiên nhiên trên thế giới.</p> <p>Thông hiểu – Trình bày được đặc điểm của rừng nhiệt đới.</p> <p>Vận dụng – Nêu được ví dụ về sự đa dạng của thế giới sinh vật ở lục địa và ở đại dương.</p>	2 TN								4 TN				
	Chương 7. Con người và thiên nhiên	<p>Bài 22. Dân số và phân bố dân cư</p>	<p>Nhận biết – Trình bày được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. – Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. – Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới.</p>	2 TN				1/2 TN		1/2 TN						

			Thông hiểu – Giải thích được đặc điểm phân bố dân cư trên thế giới. Vận dụng – Phân tích được biểu đồ quy mô dân số thế giới											
Tổng số câu PM Địa lí		6			1/2		1/2			4		1		
Tổng số điểm PM Địa lí		1,5			1,0		1,0			1,0		1,5		
Tỉ lệ % PM Địa lí		15%			10%		10%			10%		15%		
Tổng số câu		12			3		4			2		2		
Tổng số điểm		3,0			3,0		1,0			3,0		3,0		
Tỉ lệ %		30%			30%		10%			30%		30%		

I. MA TRẬN

PHÂN MÔN LỊCH SỬ

	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá															Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan										Tự luận								
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn												
			B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD				
1	Chương 5. Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	Bài 15. Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Lý (1009-1225)	2TN													2TN			5%		
		Bài 16. Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Trần (1226-1400)	2TN				1TN									2TN	1TN		15%		
		Bài 17. Ba lần kháng chiến chống quân xâm	2TN				1TN						1T L	1TL	2TN	1TN 1 TL	1TL	30%			

		lược Mông- Nguyễn.																
Tổng số câu			6				2					1	1	6	3	1	50%	
Tổng số điểm			1,5			2,0						1,5			1,5	3,0	0,5	5,0
Tỉ lệ %			15%			20%						15%			15%	30%	5%	50%

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

T	T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm		
				Trắc nghiệm khách quan									Tự luận								
				<i>Nhiều lựa chọn</i>			<i>Đúng – Sai</i>			<i>Trả lời ngắn</i>											
				B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD			
1		Chương 4. Châu Mĩ	Bài 17. Đặc điểm dân cư Trung và Nam Mĩ, vấn đề đô thị hoá. Văn hoá Mĩ La Tinh	2TN														2TN	3TN		12,5%
2		Chương 5. Châu Đại Dương	Bài 19. Thiên nhiên châu Đại Dương	2TN														2TN			5%
			Bài 20. Đặc điểm dân cư,	2TN					3TN (b,c, b)								2TN		2TL	2TN	5TN

		xã hội Ôxtrâylia																
Tổng số câu			6				4			4			2	6	8	2	50%	
Tổng số điểm			1,5		1,0			1,0			1,5		1,5	2,0	1,5	5,0		
Tỉ lệ %			15%		10%			10%			15%		15%	20%	15%	50%		

II. ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá											
				Trắc nghiệm khách quan									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn					
				B	H	VD	B	H	V	B	H	VD	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chương 5. Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	Bài 15. Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Lý (1009-1225)	Nhận biết: – Trình bày được sự thành lập nhà Lý.	2TN											
		Bài 16. Công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước thời Trần (1226-1400)	Nhận biết – Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Trần. Thông hiểu – Mô tả được sự thành lập nhà Trần - Nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá tiêu biểu	2TN				1TN							
		Bài 17. Ba	Nhận biết - Biết được những	2TN				1TN							

	lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên.	<p>nét chính về tình hình chính trị, thời Trần.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được diễn biến chính và của cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được nguyên nhân và ý nghĩa của thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên. - Liên hệ, rút ra được bài học từ thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông 											1TL	1TL
Tổng số câu PM Lịch sử		6				2							1	1
Tổng số điểm		1,5			2,0							1,5		
Tỉ lệ %		15%			20%							15%		

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá											
				Trắc nghiệm khách quan									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn					
				B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chương 4. Châu Mĩ	Bài 17. Đặc điểm dân cư Trung và Nam Mĩ, vấn đề đô thị hoá. Văn hoá Mĩ La Tinh	Nhận biết: - Biết được đặc điểm dân cư Trung và Nam Mĩ Thông hiểu: - Hiểu được văn hoá Mĩ La Tinh	2TN				1TN (a)			2TN				
2	Chương 5. Châu Đại Dương	Bài 19. Thiên nhiên châu Đại Dương	Nhận biết: - Biết được châu Đại Dương gồm những khu vực nào	2TN											
		Bài 20. Đặc điểm dân cư, xã hội Ôxtrâyli	Nhận biết: - Dân cư, xã hội, đô thị Ôxtrâyli Vận dụng: So sánh và giải thích lục địa Ôxtrâyli và các đảo châu Đại Dương	2TN				3TN (b,c,d)			2TN			2TL	
Tổng số câu PM Địa lí				6				4			4			2	

Tổng số câu PM Lịch sử		6				2						1	1
Tổng số điểm		3,0		3,0		1,0		3,0					
Tỉ lệ %		30%		30%		10%		30%					

MÃ ĐỀ SD6-101

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

- Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	C	A	C	B	D

Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	C	B	A	B	A

PHẦN II. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng – sai.

- Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	a	b	c	d
Câu 13	Đ	Đ	S	Đ
Câu 14	Đ	S	Đ	Đ
Câu 15	S	Đ	Đ	Đ

PHẦN III. (1,0 điểm). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

- Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu 16: 1,5 triệu loài

Câu 17: Động vật có khả năng di chuyển

Câu 18: Hồ, voi, báo, sư tử....

Câu 19: Nhân sâm, linh chi, thông đỏ, giáng hương...

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
20 1,5 điểm	- Ý nghĩa Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền: + Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền đã chấm dứt thời kì Bắc thuộc	0,5
	+ Mở ra thời kì mới trong lịch sử dân tộc ta- thời kì độc lập tự chủ lâu dài.	0,5

	<p>- Kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền:</p> <p>+ Chủ động: đón đánh quân xâm lược bằng cách bố trí lực lượng và xây dựng trận địa.</p> <p>+ Độc đáo: Bố trí trận địa bãi cọc ngầm, lợi dụng thủy triều ở sông Bạch Đằng.</p>	0,25
		0,25
21 1,5 điểm	<p>Những nhân tố quan trọng tham gia vào quá trình hình thành đất.</p> <p>- Đá mẹ: Là nguồn cung cấp vật chất vô cơ cho đất, quyết định thành phần khoáng vật, ảnh hưởng đến màu sắc và tính chất của đất.</p> <p>- Khí hậu: Lượng mưa quyết định mức độ rửa trôi, nhiệt độ thúc đẩy quá trình hòa tan và tích tụ chất hữu cơ.</p> <p>- Sinh vật: Đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành đất, góp phần tích tụ, phân hủy và biến đổi chất hữu cơ.</p>	0,5
		0,5
		0,5

---Hết!---

MÃ ĐỀ SD6-102

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

PHẦN I. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

- Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	D	C	C	A

Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	D	C	B	A

PHẦN II. (3,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng – sai.

- Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	a	b	c	d
Câu 13	Đ	S	Đ	Đ
Câu 14	Đ	Đ	S	Đ
Câu 15	S	Đ	Đ	Đ

PHẦN III. (1,0 điểm). Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

- Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu 16: Hồ, voi, báo, sư tử...

Câu 17: Nhân sâm, linh chi, thông đỏ, giáng hương...

Câu 18: 1,5 triệu loài

Câu 19: Động vật có khả năng di chuyển

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
20 1,5 điểm	- Ý nghĩa Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền: + Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 của Ngô Quyền đã chấm dứt thời kì Bắc thuộc	0,5
	+ Mở ra thời kì mới trong lịch sử dân tộc ta- thời kì độc lập tự	0,5

	<p>chủ lâu dài.</p> <p>- Kế hoạch đánh giặc của Ngô Quyền:</p> <p>+ Chủ động: đón đánh quân xâm lược bằng cách bố trí lực lượng và xây dựng trận địa.</p> <p>+ Độc đáo: Bố trí trận địa bãi cọc ngầm, lợi dụng thủy triều ở sông Bạch Đằng.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p>21</p> <p>1,5 điểm</p>	<p>Những nhân tố quan trọng tham gia vào quá trình hình thành đất.</p> <p>- Đá mẹ: Là nguồn cung cấp vật chất vô cơ cho đất, quyết định thành phần khoáng vật, ảnh hưởng đến màu sắc và tính chất của đất.</p> <p>- Khí hậu: Lượng mưa quyết định mức độ rửa trôi, nhiệt độ thúc đẩy quá trình hòa tan và tích tụ chất hữu cơ.</p> <p>- Sinh vật: Đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành đất, góp phần tích tụ, phân hủy và biến đổi chất hữu cơ.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

---Hết!---

Mã đề: SD8-101

A. TRẮC NGHIỆM (7.0 ĐIỂM)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 ĐIỂM)

- Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	4	B	7	B	10	A
2	C	5	A	8	A	11	B
3	D	6	B	9	B	12	A

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng – sai (3 ĐIỂM)

- Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15
- Mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

	Câu 13	Câu 14	Câu 15
a	Sai	Đúng	Sai
b	Sai	Đúng	Đúng
c	Sai	Sai	Sai
d	Đúng	Đúng	Đúng

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn. (1 ĐIỂM)

- Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	Đáp án
16	Khoảng 1 triệu km ²
17	Thêm lục địa phía Nam
18	1100 – 1300mm/năm
19	Vịnh Hạ Long

B. TỰ LUẬN (3.0 ĐIỂM)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 20 (1,5 điểm)	Quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn: - Năm 1803, nhà Nguyễn cho tái lập Hải đội Hoàng Sa. - Năm 1816, nhà Nguyễn cho quân đi xem xét, đo đạc hải trình, tái xác nhận chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Từ thời vua Minh Mạng, vua trực tiếp kiểm tra và giám sát việc thực thi chủ quyền trên biển. * Quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn có ý nghĩa: - Góp phần xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử - Tạo cơ sở pháp lý để nước ta khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 21 (1,5 điểm)	Khái niệm vùng lãnh hải - Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam. Một số hành động góp phần bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng. - Tham gia các hoạt động làm sạch bờ biển, làm đẹp cảnh quan, môi trường biển đảo... - Tham gia các hoạt động khắc phục và làm giảm nhẹ các thiệt hại do thiên tai gây ra. - Tổ chức học tập và thực hành các kỹ năng sống thích ứng với những thay đổi của tự nhiên vùng biển đảo...	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25

Hết

Mã đề: SD8-102

A. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (3 ĐIỂM)

- Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	A	4	B	7	B	10	A
2	A	5	C	8	B	11	A
3	B	6	D	9	A	12	B

PHẦN II. Trắc nghiệm đúng – sai (3 ĐIỂM)

- Học sinh trả lời từ câu 13 đến câu 15
- Mỗi ý trả lời đúng được 0,25 điểm.

	Câu 13	Câu 14	Câu 15
a	Sai	Sai	Đúng
b	Đúng	Đúng	Sai
c	Đúng	Sai	Đúng
d	Đúng	Sai	Sai

PHẦN III. Trắc nghiệm trả lời ngắn. (1 ĐIỂM)

- Học sinh trả lời từ câu 16 đến câu 19
- Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

Câu	Đáp án
16	1100 – 1300mm/năm
17	Khoảng 1 triệu km ²
18	Vịnh Hạ Long
19	Thêm lục địa phía Nam

B. TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)

Câu	Đáp án	Điểm
Câu 20 (1,5 điểm)	Quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn: - Năm 1803, nhà Nguyễn cho tái lập Hải đội Hoàng Sa. - Năm 1816, nhà Nguyễn cho quân đi xem xét, đo đạc hải trình, tái xác nhận chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Từ thời vua Minh Mạng, vua trực tiếp kiểm tra và giám sát việc thực thi chủ quyền trên biển. * Quá trình thực thi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của nhà Nguyễn có ý nghĩa: - Góp phần xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử - Tạo cơ sở pháp lý để nước ta khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay.	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
Câu 21 (1,5 điểm)	Khái niệm vùng lãnh hải. - Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam. Một số hành động góp phần bảo vệ môi trường biển đảo Việt Nam. - Tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng. - Tham gia các hoạt động làm sạch bờ biển, làm đẹp cảnh quan, môi trường biển đảo... - Tham gia các hoạt động khắc phục và làm giảm nhẹ các thiệt hại do thiên tai gây ra. - Tổ chức học tập và thực hành các kỹ năng sống thích ứng với những thay đổi của tự nhiên vùng biển đảo...	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25

HẾT